

Bản án số: 291/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-11-2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Hồ Thanh Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thu T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Trường S, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Lê Thu T và anh Lâm Trường S thống nhất trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh chị chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi, ly thân cách đây một năm. Anh chị yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lâm Hoàng K, sinh năm 2002 và cháu Lâm Chí T, sinh ngày 16/10/2009. Đối với cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T, anh chị thống nhất giao cho chị T nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh S chung sống vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Xét thấy: Theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2001 giữa chị T và anh S thì giấy không được đại diện UBND xã TT ký, đóng dấu và lưu vào sổ bộ. Theo Công văn số 293/UBND-VP về việc xác nhận tàng thư đăng ký kết hôn ngày 10/9/2024 của UBND xã TT “Do sổ bộ hộ tịch chỉ được lưu từ năm 1998 theo quy định tại Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch, còn những trường hợp đăng ký hộ tịch trước ngày Nghị định số 83/1998/NĐ-CP có hiệu lực thì không được lưu vào sổ bộ hộ tịch. Như vậy, qua tra cứu tàng thư đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD cho đến nay đối với bà Lê Thu T, sinh ngày 01/01/1980 và ông Lâm Trường S sinh ngày 01/01/1982. Quá trình sống tại địa phương cho đến nay Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD không có lưu tàng thư đăng ký kết hôn của công dân nói trên”. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, chị T và anh S chưa đăng ký kết hôn đúng luật định. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh S.

[3] Về con chung: Đối với cháu K đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Xét yêu cầu nuôi dưỡng cháu T của chị T, thấy rằng: Chị T và anh S thống nhất giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng cháu T và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị T và anh S xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thu T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thu T và anh Lâm Trường S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Chí T, sinh ngày 16/10/2009 cho chị Lê Thu T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lâm Trường S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002061 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**

